

# ĐỊNH LOẠI CÁC LOÀI THÚ HỌ CÀY - BỘ ĂN THỊT (VIVERRIDAE CARNIVORA) THƯỜNG GẶP Ở VIỆT NAM DỰA TRÊN HÌNH THÁI CẤU TRÚC LÔNG

Trần Hồng Việt \*  
Khoa Sinh học ĐHSP Hà Nội I

Ở Việt Nam đã phát hiện 13 loài cầy [1, 2], một số loài đang còn có số lượng phân bố rộng ở cả miền bắc và miền nam: cầy hương, cầy giống, cầy vòi mướp, cầy vòi mốc cua, lon chanh; một số loài đã trở nên hơi hiếm: cầy mực, vầy vằn bắc, vòi tai trắng rất hiếm: cầy lông (*Viverra zibethica*), đặc biệt 2 loại cầy vằn nam (*Hemigalus derbyi*) và cầy nước (*Cynogal bennetti*) thì chỉ có tên trong sách vở mà không bảo tàng động vật nào mẫu, do vậy, mẫu lông dùng cho nghiên cứu, định loại còn bị hạn chế. Trên cơ sở các tiêu chuẩn ở các Bảo tàng Động vật Đại học Tổng hợp Hà Nội, Bảo tàng Động vật Viện Sinh học và Nguyên Sinh vật - Viện Khoa học Việt Nam, chúng tôi đã dùng 38 mẫu da của 10 loài cầy, 135 chiếc lông sử lý, phân tích, đo tính và 295 lông quan sát bổ sung để lập khóa định loại thú họ cầy ở Việt Nam. (1)

## I. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 1/ Chọn Lông nghiên cứu

Mỗi tiêu bản da nhỏ một dúm lông ở điểm chính giữa bề dài thân trên trục cột sống tách riêng lông phủ và lông nệm. Lông phủ cầy có 2 loại: lông trụ và lông phủ thường.

+ Lông trụ: Thường dài, mọc vượt tầng lông trên mặt lưng, thân lông hơi cứng, thường không có phần phình thắt rõ rệt, ngọn thuôn nhọn, dài, tiết diện lông tròn hoặc lục giác. Riêng cầy vòi tai trắng (*Artogalidia trivirgata*) lông trụ có thể thẳng hoặc hơi cong.

+ Lông phủ thường: Thân ngắn hơn và mềm hơn lông trụ, phần gốc và trung gian có phần phình rõ rệt, lông hơi cong hoặc cong gấp từ phần phình, phần phình tiết diện dẹt. Ở cầy vòi mướp (*Paradoxurus hermaphroditus*), vòi mốc (*Paguma larvata*), vòi tai trắng (*Artogalidia trivirgata*) và cầy mực (*Arctictis binturong*) lông có hiện tượng uốn sóng.

Dùng lông phủ thường để nghiên cứu, lông được tuyển chọn phải là lông đã trưởng thành còn đầy đủ các bộ phận cần nghiên cứu.

---

\* Tham gia nghiên cứu còn có Lương Thị Hoa và Hoàng Thị Mai

(1) Tác giả xin cảm ơn Bảo tàng động vật ĐHTH Hà Nội, Bảo tàng động vật VSTTNSV đã điều kiện thuận lợi cho việc nghiên cứu mẫu

## Chuẩn bị mẫu nghiên cứu

Làm sạch lông nhiều lần bằng cách rửa nước nóng 70°C, hong khô, rửa ether và lại hong

Lên tiêu bản lông: Đặt lông nằm trên bản lam theo hướng lưng bụng, gắn tiêu bản bằng Canada.

Lên tiêu bản vẩy lông: Quét véc ni đánh móng tay (loại không pha nhũ) lên lam kính và lưng của lông

Đo sát, đo tính, vẽ hình, chụp ảnh trên kính hiển vi quang học ở độ phóng đại 15 × 10,

Đưa các thông số nghiên cứu sau: [3, 4]

Chiều dài lông

Hình dạng ngoài của lông

Hình thái vẩy lông

Hình thái túy lông

Độ mềm lông

Chỉ số vò

Chỉ số túy

Các thông số trên cho phép lập được một số khóa định loại cho họ cầy. Trong bài này, chúng tôi dùng 3 thông số: chiều dài lông, hình dạng vẩy và hình dạng túy.

## II. KHÓA ĐỊNH LOẠI CÁC LOÀI THÚ HỌ CÀY - BỘ ĂN THỊT (Viverridae - Carnivora) THƯỜNG GẶP Ở VIỆT NAM DỰA TRÊN HÌNH THÁI CẤU TRÚC LÔNG

1) Lông dài trên 6 cm, túy phần phình và trung gian II là băng đen

*Arctictis binturong*

2) Lông dài dưới 6 cm, túy phần phình và trung gian II không phải là băng đen

1) Túy có gờ nổi đứt đoạn chạy dọc giữa túy

*Artogalidia trivirgata*

2) Túy không có gờ nổi đứt đoạn chạy dọc giữa túy

1) Túy phần phình là dạng vách kép kiểu vách bó

*Herpestes urva*

2) Túy phần phình không là dạng vách kép kiểu vách bó

1) Túy phần phình là dạng vách kép kiểu vẩy cá nhiều dây

*Prionodon pardicolor*

2) Túy phần phình không là dạng vách kép kiểu vẩy cá nhiều dây

2) Túy phần phình dạng vách kép kiểu bó vẩy cá, bó san hô

*Paradoxurus hermaphroditus*

3) Túy phần phình không có dạng vách kép kiểu bó vẩy cá, bó san hô

14) Túy phần phình chỉ có dạng lưới nhiều ô đa giác

13) Vẩy phần gốc toàn là dạng lát

*Viverra zibetha*

12) Vẩy phần gốc dạng lát xen dạng thoi hình bầu dục

*Viverricula malaccensis*

1) Túy phần phình không chỉ có dạng lưới nhiều ô đa giác

6) Túy phần phình có dạng vách kép bó vẩy cá, lưới nhiều ô đa giác, lưới san hô

**Herpestes javanicus**

16 (15) Tủy phần phình chỉ có dạng vách kép bó vẩy cá, lưới san hô

17 (18) Vẩy phần gốc và trung gian I có dạng lát khía, dạng cung, dạng thoi hình  
phần phình có dạng lát ngang

**Chrotogale owstoni**

18 (17) Vẩy phần gốc và trung gian I không có dạng lát khía, dạng cung, dạng thoi hình  
vẩy phần phình không có dạng lát ngang

**Paguma larvata**

**MỘT SỐ DẠNG HÌNH ĐẶC TRUNG CỦA VẤY VÀ TỦY  
LÔNG CÁC LOÀI THÚ HỌ CÂY**

- H. 1. Tủy có gờ nổi đứt đoạn chạy dọc giữa tủy
- H. 2. Tủy dạng vách kép kiểu vẩy cá nhiều dãy
- H. 3. Tủy dạng vách kép kiểu vách bó
- H. 4. Tủy dạng vách kép kiểu b vẩy cá
- H. 5. Tủy dạng vách kép kiểu bó san hô
- H. 6. Tủy dạng lưới san hô
- H. 7. Tủy dạng lưới nhiều ô đa giác
- H. 8. Vẩy dạng lát
- H. 9. Vẩy dạng lát ngang
- H. 10. Vẩy dạng lát xen dạng thoi hình bầu
- H. 11. Vẩy dạng lát khía xen dạng cung, dạng thoi hình mác (*xem trang 33*)

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Ellerman, J. R. and Morrison - Scott T. G. S., 1951. Checklist of Palearctic and Indian Mammals 1758 to 1946., Brist. Mus. Nat. Hist., London, 279-298
2. Van Peenen P. F. D and Col., 1969. Preliminary identification manual for mammals of Vietnam U. S. Nat. Mus. Smith. Inst., Washington, 218-237
3. Trần Hồng Việt, 1985. Tạp chí Sinh học, 7(1):39-42
4. Trần Hồng Việt, 1986. Thú hoang dại vùng Sa Thầy và ý nghĩa kinh tế của chúng, Luận văn ĐHTH Hà Nội:17-20, 79-83

**IDENTIFICATION OF CIVETS FREQUENTLY SEEN IN VIETNAM  
(With structural and morphological of the hairs)**

*Tran Hong Viet*

*Faculty of Biology, Hanoi Pedagogic University*

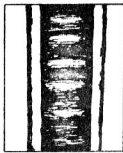
In this paper, after having proposed the method to identify civets by hairs the author  
key to identification of civets frequently seen in Vietnam



1



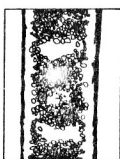
2



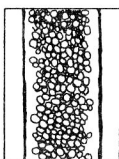
3



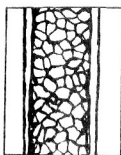
4



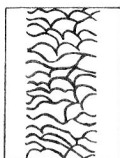
5



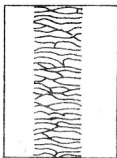
6



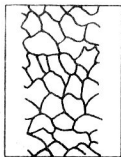
7



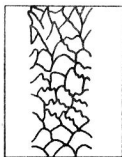
8



9



10



11